**Ngày soạn:** …………………… **Ngày dạy**: ………………… **Lớp** :……

**BUỔI 3: ÔN TẬP TỈ LỆ THỨC. TÍNH CHẤT DÃY TỈ SỐ BẰNG NHAU**

**I. MỤC TIÊU**

Qua bài này giúp học sinh:

**1. Kiến thức:**

- Nhắc lại được định nghĩa tỉ lệ thức, tính chất của tỉ lệ thức và tính chất dãy tỉ số bằng nhau.

**2. Kỹ năng:**

- Áp dụng được tính chất tỉ lệ thức và tính chất dãy tỉ số bằng nhau để giải một số dạng bài tập.

**3. Thái độ:** Giáo dục tính cẩn thận chính xác.

**4. Định hướng năng lực, phẩm chất**

***- Năng lực:*** Năng lực tự học, năng lực giải quyết vấn đề, năng lực tính toán.

***- Phẩm chất:*** Tự tin, tự chủ, tự lập.

**II. CHUẨN BỊ**

1. Giáo viên: Phấn màu, bảng phụ, thước thẳng, SGK, SBT

2. Học sinh: Đồ dùng học tập, đọc trước bài.

**III. TỔ CHỨC CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC**

1. Ổn định lớp: Kiểm tra sĩ số. (**1 phút**)

2. Nội dung:

**TIẾT 1 : TỈ LỆ THỨC**

**Mục tiêu:** Nhắc lại được định nghĩa tỉ lệ thức, tính chất tỉ lệ thức và áp dụng giải được một số bài tập.

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của GV và HS** | **Nội dung ghi bảng** |
| - GV: Thế nào là tỉ lệ thức?  - HS nhắc lại định nghĩa tỉ lệ thức  - GV: Nhắc lại tính chất tỉ lệ thức?  - HS: HS nhắc lại và ghi chép | **1. Tỉ lệ thức** là đẳng thức của hai tỉ số  **2. Tính chất**  **a.**  **b.** ; ; ; |
| **Bài tập 1:** Lập tất cả các tỉ lệ thức có được từ đẳng thức sau :       - GV : Áp dụng gì để giải bài này ?  - HS : Áp dụng tính chất b  - GV : Gọi 2 học sinh làm bài  - HS làm bài  - GV nhận xét và sửa bài | **Bài tập 1:** Lập tất cả các tỉ lệ thức có được từ đẳng thức sau :       **Giải**      Lập thành các tỉ lệ thức  ; ; ;      Lập thành các tỉ lệ thức  ; ; ; |
| **Bài tập 2 : Tìm x, biết :**  **a.**  **b.**  **c.**  **d.**  **e.**  - GV hướng dẫn:  Áp dụng tính chất:để giải bài này  **a.**    - GV gọi HS giải các câu còn lại  - GV nhận xét và sửa bài  - HS lắng nghe và ghi chép | **Bài tập 2 : Tìm x, biết :**  **a.**  **b.**  **c.**  **Giải**  **a.**      **b.**    **c.**      **d.**      **e.** |
| **Bài 3:** Cho tỉ lệ thức. Tìm giá trị của tỉ số  -GV: Bài này ta cũng áp dụng tính chất  . Rồi khai triển ra tìm tỉ số .  - GV gọi HS lên giải  - HS lên giải  - GV nhận xét và sửa bài | **Bài 3:** Cho tỉ lệ thức. Tìm giá trị của tỉ số |
| **BÀI TẬP VỀ NHÀ**  **1. Tìm x, biết:**  **a.**  **c.**  **b.**  **d.** | |

**TIẾT 2: TÍNH CHẤT DÃY TỈ SỐ BẰNG NHAU**

***Mục tiêu***: HS áp dụng tính chất dãy tỉ số bằng nhau giải được một số dạng bài tập.

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của GV và HS** | **Nội dung** |
| - GV yêu cầu HS làm ví dụ:  **Ví dụ:** Cho tỉ lệ thức . Hãy so sánh các tỉ số  và  với các tỉ số trong tỉ lệ thức đã cho.  - HS làm ví dụ  - GV nhận xét và sửa bài.  - GV tổng quát lên tính chất dãy tỉ số bằng nhau  Từ đây tổng quát lên ta có tính chất của dãy tỉ số bằng nhau:  ,  - HS chú ý và ghi chép | **Ví dụ:** Cho tỉ lệ thức . Hãy so sánh các tỉ số  và  với các tỉ số trong tỉ lệ thức đã cho.  **Giải:** Ta có (1)  (2)  (3)  Từ (1), (2), (3) suy ra:  Từ đây tổng quát lên ta có :  **Tính chất của dãy tỉ số bằng nhau:**  **,** |
| **Bài tập 1:** Tìm hai số x, y, biết :  a.  và  b.  và  - GV hướng dẫn HS giải câu a  - HS lắng nghe và ghi chép  - GV gọi HS làm câu b  -HS lên bảng làm câu b | **Bài tập 1:** Tìm hai số x, y biết :  a.  và  **Giải**  Áp dụng tính chất dãy tỉ số bằng nhau ta có:        Vậy  b.  và  Ta có:  Áp dụng tính chất dãy tỉ số bằng nhau ta có: |
| **Bài tập 2:** Tìm hai số x, y biết:  a. và  b.  và  - GV hướng dẫn: Ta đưa  về dạng tỉ lệ thức sao cho x, y nằm trên tử, sau đó áp dụng tính chất dãy tỉ số bằng nhau để giải như bài 1.  - GV gọi HS lên bảng giải câu a  - HS lên bảng giải  - GV nhận xét và sửa bài  - GV hướng dẫn làm câu b sau đó gọi HS lên giải  - HS lên giải  - GV nhận xét và sửa bài | **Bài tập 2:** Tìm hai số x, y biết:  a. và  b.  và  **Giải**  **a.** và  Ta có**:**  Áp dụng tính chất dãy tỉ số bằng nhau ta có:        **b.**  và  Ta có:          Vậy . |
| -GV mở rộng tính chất dãy tỉ số bằng nhau: **Từ dãy tỉ số bằng nhau** **;**  **Suy ra tính chất dãy tỉ số bằng nhau:**    *(Giả thiết các tỉ số đều có nghĩa)*  **Lưu ý:**   * Nếu cho a, b, c tỉ lệ với 3, 5, 7 tức là ta có : **.** * Nếu tỉ số giữa a và b là thì ta có | **Từ dãy tỉ số bằng nhau ;**  **Suy ra tính chất dãy tỉ số bằng nhau:**    *(Giả thiết các tỉ số đều có nghĩa)*  **Lưu ý:**   * Nếu cho a, b, c tỉ lệ với 3, 5, 7 tức là ta có : **.** * Nếu tỉ số giữa a và b là thì ta có |
| **Bài tập 3:** Tìm x, y, z biết : và  - GV hướng dẫn:  Giả thiết cho  Làm thế nào để sử dụng hiệu quả giải thiết trên?  - HS : Biến đổi  cho có xuất hiện 2x, 3y như giả thiết  - GV : Biến đổi bằng cách nào ?  - HS : Nhân tử và mẫu  với 2, với 3  - GV trình bày lên bảng  - HS lắng nghe và ghi chép | **Bài tập 3:** Tìm x, y, z biết : và  **Giải**  Từ  Áp dụng tính chất dãy tỉ số bằng nhau: |
| **Bài tập 4 :**  a. Tìm ba số a, b, c. Biết  và  .  b. Tìm diện tích của một hình chữ nhật biết rằng tỉ số giữa hai cạnh của nó bằng  và chu vi bằng 56m.  - GV gọi HS lên bảng làm câu a  - HS lên bảng làm bài  -GV nhận xét và sửa bài  -HS ghi chép  - GV hướng dẫn làm câu b:  Tỉ số hai cạnh bằng  em có điều gì?  - HS: Gọi chiều rộng là a, chiều dài là b thì ta có  - GV lưu ý: Tỉ số  nên sẽ là tỉ số giữa chiều rộng với chiều dài (vì chiều rộng < chiều dài)  Chu vi hình chữ nhật bằng 56 thì em có điều gì?    - GV gọi HS lên bảng làm bài  - HS lên bảng làm bài  - GV nhận xét và kết luận | **Bài 4:**  a. Tìm ba số a, b, c. Biết  và .  **Giải**          Vậy 3 số a, b, c cần tìm là 14; 35; 21  b. Tìm diện tích của một hình chữ nhật biết rằng tỉ số giữa hai cạnh của nó bằng  và chu vi bằng 56m.  **Giải**  Gọi chiều rộng là a, chiều dài là b  (b > a > 0)  Ta có:  và    Áp dụng tính chất dãy tỉ số bằng nhau ta có:    (*thỏa mãn*)  ( *thỏa mãn*)  Vậy chiều dài là 16m, chiều rộng là 12m  Diện tích hình chữ nhật:  (m2) |
| **BÀI TẬP VỀ NHÀ**   1. Tìm x, y, z biết:và 2. Ba lớp 7A, 7B, 7C trồng được 180 cây. Tính số cây trồng của mỗi lớp, biết rằng số cây của các lớp theo thứ tự tỉ lệ với 3, 4, 5. | |